

---

## 72. KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỒN KHỞI

Với bao nhiêu lời nói,  
Phá hoại chúng tối tôn.  
Khi phá hoại Thánh Chúng,  
Không ai can dứt nổi.  
Nát thân và mất mạng,  
Kẻ cướp đoạt ngựa trâu,  
Tài sản, và quốc gia,  
Họ còn hay hòa thuận;  
Hướng người vài tiếng cãi  
Sao không chịu thuận hòa?  
Không suy chân nghĩa xa,  
Oán kết làm sao giải?  
Mạ lý, trách nhau mãi  
Mà biết chế, thuận hòa;  
Nếu suy chân nghĩa xa  
Oán kết tất giải được.  
Thù hận dứt hận thù,  
Đời nào dứt cho xong.  
Nhẫn nhục dứt hận thù,  
Đó là pháp tối thượng.  
Sân với bậc thượng trí,  
Nói toàn lời vô lại,  
Phỉ báng Thánh Mâu-ni,  
Thấp hèn không chút tuệ.  
Người khác không rõ nghĩa,  
Riêng ta biết mà thôi.  
Người rõ nghĩa là ai?  
Người này dứt sân nhuế.  
Ai đắc định làm bạn,  
Kẻ trí, thiện cùng tu;  
Xả ý chấp xưa kia  
Hoan hỷ thường theo đến.  
Không đắc định làm bạn,  
Kẻ trí thiện riêng tu;

*Như vua nghiêm trị nước;  
Như voi lẻ rừng vắng.  
Độc hành, chớ làm ác,  
Như voi lẻ rừng vắng.  
Độc hành trên nẻo cao,  
Đừng hội kẻ vô đức.  
Học: “Không gặp bạn tốt,  
Không cùng ai ngang mình;  
Hãy cô độc chuyên tinh  
Đừng hội kẻ vô đức.”<sup>1</sup>*

Lúc Đức Thế Tôn thuyết bài tụng này xong, Ngài dùng như ý túc cỡi hư không mà đi đến thôn Bà-la-lâu-la<sup>2</sup>. Ở thôn Bà-la-lâu-la có Tôn giả Bà-cửu Thích Gia Tử<sup>3</sup>, ngày đêm không ngủ, tinh cần hành đạo, chí thành thường định tĩnh, an trú trong đạo phẩm. Tôn giả Thích Gia Tử từ xa trông thấy Đức Thế Tôn đi đến, khi đã trông thấy liền nghinh tiếp, đỡ lấy y bát của Ngài, trải giường, múc nước rửa chân. Đức Phật rửa chân xong, Ngài lên chỗ ngồi của Thích Gia Tử Bà-cửu. Ngồi xong, Ngài nói:

“Tỳ-kheo Bà-cửu, người thường an ổn, không hề thiếu thốn chăng?”

Tôn giả Bà-cửu trả lời:

“Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có thiếu thốn”.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Thế nào là an ổn, không có thiếu thốn?”

Tôn giả Bà-cửu đáp:

“Bạch Thế Tôn, con ngày đêm không ngủ, tinh tấn hành đạo, chí hành thường định tĩnh, an ổn vào đạo phẩm. Bạch Thế Tôn, như vậy con thường an ổn, không có thiếu thốn”.

Đức Thế Tôn lại nghĩ: “Thiện nam tử này sống cuộc đời an lạc. Ta nên thuyết pháp cho y”. Nghĩ vậy, Ngài liền thuyết pháp cho Tôn giả Bà-cửu, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ.

Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho vị ấy, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến rừng Hộ tự<sup>4</sup>. Vào rừng Hộ tự, đến dưới gốc cây Ngài trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già. Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nghĩ rằng: “Ta đã thoát được nhóm Tỳ-kheo ở Câu-xá-di, một nhóm luôn luôn tranh chấp nhau, chèn ép nhau, thù nghịch nhau, giận hờn nhau, cãi vã nhau. Ta không hoan hỷ nghĩ đến phương ấy, nơi mà nhóm Tỳ-kheo Câu-xá-di đang trú”.

<sup>1</sup>. Các tụng này cũng được tìm thấy trong Dhammapada và được dẫn trong bản số giải Dhammapada: sau khi không hòa giải được, Phật một mình đi vào rừng Pārilleyya. Tại đây, Ngài sống với một con voi chúa cũng cô độc bỏ đàn mà đi. Đến lúc cuộc tranh chấp phải chấm dứt, ngài A-nan lên thỉnh Phật trở về. Voi chúa tiễn Ngài ra khỏi khu rừng và đã khóc vì nó không thể xuống đồng bằng. Phật nói các câu tụng trên vào lúc này, với ý nghĩa: trong đời, nếu không có bạn lành, thà sống một mình cô độc trong rừng vắng còn hơn.

<sup>2</sup>. Bà-la-lâu-la thôn -C-----CPāli: Bālakaloṇakāragama.

<sup>3</sup>. Bà-cửu -C-S-CPāli: Bhagu, dòng họ Thích, xuất gia một lần với các ngài Anuruddha và Kimbila. Một hôm vừa bước khỏi giường, ngài cảm thấy hồng chân, cố gượng và do đó chột chúng quả A-la-hán.

<sup>4</sup>. Rừng Hộ tự -@-x-L-CPāli: Rakkhitavanasaṇḍa. Số giải Dhammapada: từ Ghositārāma, Phật đi thẳng vào Parrilleyya. Xem thêm cht.13 trên.

Ngay lúc đó có một con voi, chúa của đàn voi, tách rời đàn, du hành một mình, cũng đến rừng Hộ tự. Vào rừng Hộ tự, đến đứng dưới cây Hiền-sa-la<sup>5</sup>. Khi ấy, voi chúa nghĩ rằng: “Ta đã thoát được bọn voi kia, voi cha, voi mẹ, voi con lớn nhỏ. Bọn voi ấy thường đi trước dẫm lên cỏ và làm vấy bẩn nước. Ta bấy giờ ăn cỏ bị dẫm đạp ấy, uống nước vẫn đục kia. Ta nay ăn cỏ mới, uống nước trong”.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bằng tha tâm trí biết ý nghĩ trong lòng voi lớn kia, liền nói bài tụng:

*Một voi với đàn voi,  
Cũng vốc, ngà, chân đủ.  
Tâm này như tâm kia,  
Rừng sâu vui độc trú.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn từ rừng Hộ tự mang y cầm bát đi đến rừng Ban-na-mạn-xà-tự<sup>6</sup>. Bấy giờ có ba thiện nam tử trú trong rừng Ban-na-mạn-xà-tự, là: Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la<sup>7</sup>. Các Tôn giả ấy sống như vậy: Nếu ai khát thực trở về trước, thì trải giường, múc nước để rửa chân, để sẵn chậu, đặt sẵn đòn rửa chân và khăn lau chân, lu nước uống. Nếu những gì khát thực có thể dùng hết thì dùng hết, nếu còn dư thì đổ vào hủ đậy kín cất. Ăn xong, dọn bát, cất, rửa tay chân, lấy Ni-sư-đàn vắt lên vai, vào thất tĩnh tọa. Ai khát thực về sau, nếu dùng hết thì dùng, nếu thiếu thì lấy đồ ăn khát thực được của người trước dùng cho đủ. Nếu dư thì đổ vào đất sạch hay nước không có trùng, rồi đem bình bát rửa sạch, lau khô và cất vào một góc, thu dọn giường chiếu, dẹp đòn rửa chân và lu nước uống, ghè nước rửa tay và quét dọn nhà ăn. Sau khi tẩy sạch những nhơ nhớp ấy thì thu xếp y bát, rửa tay chân, lấy Ni-sư-đàn vắt lên vai, vào thất tĩnh tọa. Đến lúc xế, các Tôn giả ấy, nếu có vị nào từ chỗ tĩnh tọa dậy trước, thấy lu nước uống và ghè nước rửa tay trống rỗng, không có nước, thì mang đi lấy. Nếu xách về nổi thì xách đến để một góc, nếu xách không nổi thì lấy tay vẩy một Tỳ-kheo nữa, mỗi người khiêng một bên, không ai nói chuyện với nhau. Các Tôn giả ấy cứ năm ngày tụ tập lại một lần, cùng nhau bàn về pháp và im lặng theo pháp bậc Thánh.

Bấy giờ, người giữ rừng trông thấy Đức Thế Tôn từ xa đi đến, bèn đón và quở ngăn rằng:

“Sa-môn! Sa-môn chớ vào rừng này. Vì sao? Nay trong rừng này có ba thiện nam tử, đó là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tì-la. Các vị ấy trông thấy Sa-môn, chắc họ không vừa ý”.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này người giữ rừng, các vị kia nếu thấy Ta, chắc chắn không có gì không vừa ý”.

Ngay lúc đó, Tôn giả A-na-luật-đà, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn đi đến, liền quở trách người kia:

“Này người giữ rừng, chớ ngăn cản Đức Thế Tôn. Này người giữ rừng, chớ ngăn cản Đức Thiện Thệ đang đi đến. Vì sao? Vì đó là Tôn Sư của tôi đến! Là Đức Thiện Thệ của tôi đến!”

Tôn giả A-na-luật-đà ra nghênh đón Đức Thế Tôn, đỡ y bát của Ngài. Tôn giả Nan-

<sup>5</sup>. Hiền-sa-la —P—CPāli: bhaddasāla.

<sup>6</sup>. Ban-na-mạn-xà-tự lâm ———G-x-L-CPāli: Pācīnavamsadāya.

<sup>7</sup>. Xem kinh số 185.

đề trải giường cho Đức Phật. Tôn giả Kim-tì-la lấy nước cho Ngài. Khi ấy, Đức Thế Tôn sau khi rửa chân xong, ngồi lên chỗ mà Tôn giả ấy đã trải. Ngồi xong, Ngài hỏi:

“Này A-na-luật-đà, người thường an ổn, không có gì thiếu thốn chẳng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn”.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Như thế nào là an ổn, không có gì thiếu thốn?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng, con có thiện lợi, có đại công đức, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đồng phạm hạnh như thế. Bạch Thế Tôn, con thường hướng về các vị đồng phạm hạnh ấy, thực hành hạnh từ nơi thân nghiệp, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau; thực hành hạnh từ nơi khẩu nghiệp, hạnh từ nơi ý nghiệp, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau không khác. Bạch Thế Tôn, con nay có thể tự nghĩ rằng: ‘Tự xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm chư Hiền’. Bạch Thế Tôn, con liền xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm chư Hiền. Bạch Thế Tôn, con chưa từng có một điều nào là không vừa lòng. Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn là như thế”.

Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả Nan-đề, Tôn giả cũng đáp như thế.

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả Kim-tì-la:

“Người thường an ổn, không có gì thiếu thốn chẳng?”

Tôn giả Kim-tì-la đáp:

“Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn”.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Này Kim-tì-la, thế nào là thường an ổn, không có gì thiếu thốn?”

Tôn giả Kim-tì-la đáp:

“Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng, con có thiện lợi, có đại công đức, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đồng phạm hạnh như thế. Bạch Thế Tôn, con thường hướng về các vị đồng phạm hạnh ấy, thực hành hạnh từ nơi thân nghiệp, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau; thực hành hạnh từ nơi khẩu nghiệp, hạnh từ nơi ý nghiệp, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau không khác. Bạch Thế Tôn, con nay có thể tự nghĩ rằng: ‘Tự xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm chư Hiền’. Bạch Thế Tôn, con liền xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm chư Hiền. Bạch Thế Tôn, con chưa từng có một điều nào là không vừa lòng. Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn là như thế”.

Đức Thế Tôn tán thán:

“Lành thay! Lành thay! A-na-luật-đà, như thế các người thường cùng nhau hòa hợp, an lạc, không tranh, cùng hiệp nhất trong một tâm, một Thầy, như nước với sữa, và có chứng đắc pháp thượng nhân mà sống an lạc thoải mái chẳng<sup>8</sup>?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, chúng con cùng nhau hòa hợp không tranh, cùng hợp nhất trong một tâm, chung một Thầy, như nước với sữa, và có chứng đắc pháp thượng nhân mà sống an lạc thoải mái. Bạch Thế Tôn, chúng con nhận được ánh sáng liền thấy sắc<sup>9</sup>. Giây lát, sắc

<sup>8</sup>. Nguyên văn Hán: *phả đắc nhân thượng chi pháp nhi hữu sai giáng an lạc trụ chỉ da* —o—H—W—k—t—w—CPāli: *alamariyaññadassanaviseso adhigato phāsuvihāro ti*, chứng đắc tri kiến tối thắng của bậc Thánh và sống an lạc thoải mái.

<sup>9</sup>. Hán: *đắc quang minh tiện kiến sắc*. Đối chiếu nghĩa Pāli: *obhāsañ ceva samjānāma dassanañ ca rūpānaṃ*, chúng con cảm nhận ánh sáng và sự hiện diện của các sắc.

được thấy kia và ánh sáng liền biến mất”.<sup>10</sup>

Đức Thế Tôn nói:

“Này A-na-luật-đà, các người không thấu triệt được tướng ấy; nghĩa là tướng nhận được ánh sáng mà thấy sắc; giây lát, sắc được thấy kia và ánh sáng liền biến mất.

“Này A-na-luật-đà, thuở xưa lúc Ta chưa đắc đạo giác ngộ vô thượng chánh chân, cũng nhận được ánh sáng mà thấy sắc. Giây lát, sắc được thấy kia và ánh sáng liền biến mất. A-na-luật-đà, Ta nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta hành tinh tấn, không biếng nhác, thân tĩnh chỉ an trú, có chánh niệm chánh trí, không có ngu si, được tĩnh chỉ nhất tâm. Này A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: ‘Ta hành tinh tấn, không biếng nhác, tĩnh chỉ nơi thân, có chánh niệm chánh trí, an trú, không có si, được định tĩnh nhất tâm. Phải chăng trong đời không có gì<sup>11</sup> để Ta thấy, để Ta biết chăng?’ Trong tâm Ta sanh tai hoạn về hoài nghi ấy. Nhân tai hoạn của hoài nghi ấy nên mất định mà con mắt diệt. Con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc; giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt. A-na-luật-đà, nay Ta nên nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn của hoài nghi’. A-na-luật-đà, vì Ta muốn không sanh tai hoạn này nên sống cô độc viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được ánh sáng mà thấy sắc; giây lát, sắc được thấy kia và ánh sáng liền biến mất.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về vô niệm. Nhân tai hoạn của vô niệm này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt’. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, cũng không sanh tai hoạn về vô niệm’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về thân bệnh tướng. Nhân tai hoạn của thân bệnh tướng này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt’. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, cũng không sanh tai hoạn về thân bệnh tướng’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất

<sup>10</sup>. Trong bản Pāli còn có câu hỏi của Anaruddha: “Không biết đó là dấu hiệu (tañ ca nimittam) gì?”

<sup>11</sup>. Để bản: vô đạo -L-D-CTống-Nguyên-Minh: vô thị -L-O-C

định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về thụy miên. Nhân tai hoạn của thụy miên này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt’. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoại nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, cũng không sanh tai hoạn về thụy miên’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về tinh cần thái quá. Nhân tai hoạn của tinh cần thái quá này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt’. A-na-luật-đà, cũng như lực sĩ bắt con ruồi quá ngặt, con ruồi liền chết. Cũng vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh tai hoạn về tinh cần thái quá. Nhân tai hoạn của tinh cần thái quá này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoại nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, không sanh tai hoạn về thụy miên, cũng không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về giải đãi thái quá. Nhân tai hoạn của giải đãi thái quá này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt’. A-na-luật-đà, cũng như lực sĩ bắt con ruồi quá hoãn, con ruồi bèn bay mất. Cũng vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh tai hoạn về giải đãi thái quá. Nhân tai hoạn của giải đãi thái quá này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoại nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, cũng không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh

tai hoạn về sợ hãi. Nhân tai hoạn của sợ hãi này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, cũng như một người đang đi đường, kẻ thù từ bốn phía kéo đến; người kia thấy vậy, kinh khủng sợ hãi, toàn thân lông tóc dựng đứng. Cũng vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh tai hoạn về sợ hãi. Nhân tai hoạn của sợ hãi này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, cũng không sanh tai hoạn về sợ hãi'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta sanh tai hoạn về hỷ duyệt. Nhân tai hoạn của hỷ duyệt này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, cũng như người đi tìm một kho báu; bỗng nhiên được cả bốn kho báu; thấy như vậy rồi, người ấy sanh hỷ duyệt. Cũng vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh tai hoạn về hỷ duyệt. Nhân tai hoạn của hỷ duyệt này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, không sanh tai hoạn về sợ hãi, cũng không sanh tai hoạn về hỷ duyệt'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?' A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta sanh tai hoạn về tâm tự cao. Nhân tai hoạn của tâm tự cao này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt'. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tưởng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, không sanh tai hoạn về sợ hãi, không sanh tai hoạn về hỷ duyệt, cũng không sanh tai hoạn về tâm tự cao'. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

"Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: 'Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất

định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về đa dạng tướng<sup>12</sup>. Nhân tai hoạn của đa dạng tướng này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt’. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tướng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, không sanh tai hoạn về sợ hãi, không sanh tai hoạn về hỷ duyệt, không sanh tai hoạn về tâm tự cao, cũng không sanh tai hoạn về đa dạng tướng’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: ‘Trong tâm Ta sanh tai hoạn về không quán sắc. Nhân tai hoạn của không quán sắc này nên mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt’. A-na-luật-đà, Ta nay cần phải nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn về hoài nghi, không sanh tai hoạn về vô niệm, không sanh tai hoạn về thân bệnh tướng, không sanh tai hoạn về thụy miên, không sanh tai hoạn về tinh cần thái quá, không sanh tai hoạn về giải đãi thái quá, không sanh tai hoạn về sợ hãi, cũng không sanh tai hoạn về hỷ duyệt, cũng không sanh tai hoạn về tâm tự cao, cũng không sanh tai hoạn về đa dạng tướng, cũng không sanh tai hoạn về không quán sắc’. A-na-luật-đà, Ta muốn không móng khởi tai hoạn này nên sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt.

“Này A-na-luật-đà, nếu tâm Ta sanh tai hoạn về nghi, đối với tai hoạn đó, tâm được thanh tịnh. Nếu sanh tai hoạn về vô niệm, về bệnh tướng của thân, về thụy miên, về tinh cần thái quá, giải đãi thái quá, về sợ hãi, về hỷ duyệt, về tâm tự cao, về đa dạng tướng, về tâm không quán sắc, đối với những tai hoạn đó, tâm được thanh tịnh.

“Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: ‘Ta phải tu học về ba định, là tu học về định có giác có quán, tu học về định không giác ít quán<sup>13</sup>, tu học về định không giác không quán’. A-na-luật-đà, Ta liền tu học ba định ấy, là tu học về định có giác có quán, tu học về định không giác ít quán, tu học về định không giác không quán. Nếu Ta tu học về định có giác có quán thì tâm liền thuận hưởng đến định không giác ít quán, như vậy Ta chắc chắn không mất trí và kiến này. Như vậy, khi Ta đã biết như thế rồi, suốt ngày suốt đêm, rồi suốt đêm suốt ngày, Ta tu học về định có giác có quán. A-na-luật-đà, Ta lúc bấy giờ thực hành trụ chỉ này. Nếu Ta tu học về định có giác có quán, tâm liền thuận hưởng đến định không giác không quán. Như vậy, chắc chắn Ta không mất trí và kiến này. Này A-na-luật-đà, như vậy, ta đã biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, rồi suốt đêm suốt ngày, tu học

<sup>12</sup>. Nguyên Hán: nhược can tướng -Y-z-Q=C

<sup>13</sup>. Nguyên văn: vô giác *thiếu* quán; nhưng thông thường: vô tâm *duy* từ, tức không giác *duy* chỉ có quán.



về định có giác có quán. Nay A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành an trú tĩnh chỉ này.

“Nay A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về định không giác ít quán, tâm liền thuận hưởng định có giác có quán. Như vậy, ta chắc chắn không mất trí kiến này. Nay A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi, nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm tu học về định không giác ít quán. Nay A-na-luật-đà, Ta bấy giờ thực hành hạnh tĩnh chỉ này. Nếu Ta tu học về định không giác ít quán, tâm liền thuận hưởng đến định không giác, không quán. Như thế, Ta chắc chắn không mất trí và kiến này. Nay A-na-luật-đà, do đó Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm tu học về định không giác ít quán. Nay A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

“Nay A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về định không giác không quán, tâm liền thuận hưởng đến định có giác có quán. Như thế, Ta chắc chắn không mất trí kiến này. Do Ta đã biết như thế, nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm tu học về định không giác không quán. Nay A-na-luật-đà, Ta bấy giờ thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này. Nay A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về định không giác không quán thì tâm liền thuận hưởng đến định không giác ít quán. Như thế, Ta không mất trí và kiến này. Nay A-na-luật-đà, do Ta đã biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm tu học về định không giác không quán. Nay A-na-luật-đà, Ta bấy giờ thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

“Nay A-na-luật-đà, có lúc Ta biết ánh sáng mà không thấy sắc. A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: ‘Do nhân nào, do duyên nào Ta biết ánh sáng mà không thấy sắc?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: ‘Nếu Ta niệm tướng của ánh sáng, không niệm tướng của sắc thì bấy giờ Ta biết ánh sáng mà không thấy sắc’. Như vậy, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm biết ánh sáng mà không thấy sắc. Nay A-na-luật-đà, Ta bấy giờ thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

“Nay A-na-luật-đà, có lúc Ta thấy sắc mà không biết ánh sáng. A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: ‘Do nhân nào, do duyên nào Ta thấy sắc mà không biết ánh sáng?’ A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: ‘Nếu Ta niệm tướng của sắc mà không niệm tướng của ánh sáng thì bấy giờ Ta biết sắc mà không biết ánh sáng’. Nay A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm Ta biết sắc mà không biết ánh sáng. Nay A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

“Nay A-na-luật-đà, có lúc Ta biết một phần ánh sáng ít, cũng thấy một phần sắc. A-na-luật-đà, Ta liền nghĩ: ‘Do nhân nào, do duyên nào Ta biết được một phần ánh sáng, cũng thấy một phần sắc?’ Ta lại nghĩ: ‘Nếu Ta nhập định một phần ít; Ta nhập định một phần nên nhãn căn thanh tịnh một phần ít. Vì nhãn căn thanh tịnh một phần ít nên Ta biết ánh sáng một phần, cũng thấy sắc một phần ít’. A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm, biết ánh sáng một phần ít và thấy sắc một phần ít. Nay A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

“Nay A-na-luật-đà, có lúc Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi. A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: ‘Do duyên nào, do nhân nào Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy ánh sáng rộng rãi’. Ta lại nghĩ: ‘Nếu Ta nhập định rộng rãi, nhờ nhập định rộng rãi nên nhãn căn thanh tịnh rộng rãi. Nhờ nhãn căn thanh tịnh rộng rãi nên Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi’. A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi. Nay A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

“Nay A-na-luật-đà, nếu trong tâm ta sanh tai hoạn về nghi, đối với tai hoạn ấy trong tâm Ta đã đoạn trừ, được thanh tịnh. Với vô niệm, thân bệnh tưởng, thụy miên, tinh cần

thái quá, giải đãi thái quá, sợ hãi, hỷ duyệt, tâm tự cao, đa dạng tướng, và sanh tai hoạn về không quán sắc, đối với những tai hoạn ấy tâm được thanh tịnh. Tu học, cực tu học về định có giác có quán; tu học, cực tu học về định không giác ít quán; tu học, cực tu học về định không giác không quán; tu học, cực tu học về định thuần nhất; tu học, cực tu học về định hỗn hợp<sup>14</sup>; tu học, cực tu học về định một phần ít; tu học, cực tu học về định quảng vô lượng<sup>15</sup>. Ta có trí và kiến thanh tịnh, sáng suốt vô cùng, hướng đến an trú vào định, tinh cần tu tập đạo phẩm, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Ngày A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành trụ chỉ ấy”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la sau khi nghe những lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



<sup>14</sup>. Tạp định, từ lúc nhập cho đến lúc xuất, lần lượt đi từ định này sang định khác. Khác với Nhất hướng định, định thuần túy, từ lúc nhập cho đến lúc xuất chỉ một loại định.

<sup>15</sup>. Có bốn giới hạn về đối tượng của định: giới hạn nhỏ, giới hạn lớn, giới hạn vô hạn và hoàn toàn ra ngoài giới hạn. Thường nói Tứ tướng, xem *Tập Dj 6* (No.1536, Đại 26, trang 292 a).